ắngTÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 52/2019/HS-ST
Ngày 23-01-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thanh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Vũ Hồng Tiến

- Ông Nguyễn Xuân Lập

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Thương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2019 tại Tòa án nhân dân thành phố H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 22/2018/TLST-HS ngày 03 tháng 12 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2019/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Thùy D; sinh ngày 16/7/1997 tại tỉnh Quảng Ninh; Nơi cư trú: tổ 1, khu 2, phường Tr, Tp H, tỉnh Quảng Ninh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: V Nam; Con ông: Nguyễn Tiến Q (đã chết) và bà: Lê Thị H; Chưa có chồng, con; Tiền án, tiền sự: Không; Đang thực hiện Lệnh cấm đi khỏi nơi cứ trú từ ngày 02/01/2019 đến hết phiên tòa sơ thẩm; Có mặt.

- *Bị hại*: Đỗ Anh T, sinh năm 1992; Nơi ĐKHKTT: tổ 8, khu 8, phường V, Tp U, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt (Có đơn xin xử vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

+./ Lê Thị Ch, sinh năm 1960. Nơi cư trú: tổ 9, khu 4, phường Tr, Tp H, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt (Có đơn xin vắng mặt).

+./ Phan Cao Th, sinh năm 1982. Nơi cư trú: tổ 11, khu 4, phường Tr, Tp H, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt (Có đơn xin vắng mặt).

- *Người làm chứng*:

+./ Đinh Văn V, sinh năm 1982. Địa chỉ: tổ 8, khu 2, phường C, Tp H. Vắng mặt không có lý do.

+./ Nguyễn Thường Q, sinh năm 1994. Địa chỉ: tổ 73, khu 5, phường B, Tp H. Vắng mặt không có lý do.

+./ Bùi Đức Minh L, sinh năm 1982. Địa chỉ: tổ 36, khu 3, phường C1, Tp H. Vắng mặt không có lý do.

+./ Nguyễn Văn L1, sinh năm 1990. Địa chỉ: xóm 2, thôn Bình Đê, xã G, huyện G1, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt không có lý do.

NỘI D VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 31/7/2018 tại tổ 1, khu 3, phường Y, Tp H, Nguyễn Thị Thùy D mượn xe môtô Honda Airblade BKS 14Y1-147.64 của bạn là Đỗ Anh T đang chơi điện tử tại cửa hàng Internet 24h do D quản lý để đi có việc một lúc sau trả lại, T đồng ý; sau khi mượn được xe D cùng bạn là Nguyễn Thường Q điều khiển xe đi chơi rồi nảy sinh ý định cầm cố xe lấy tiền chi tiêu. D giới thiệu là xe máy của mình nhưng không có giấy tờ và rủ Q cầm Chứng minh nhân dân đến hiệu cầm đồ của bà Lê Thị Ch tại tổ 9, khu 4, phường Tr, Tp H cầm xe lấy 4.000.000đ. Sau khi tiêu hết tiền, D liên hệ với Đinh Văn V nhờ vay thêm 1.000.000đ và được bà Ch đồng ý. Sáng 01/8/2018 D tiếp tục nhờ V vay thêm tiền nhưng bà Ch từ chối. V đã gọi điện đặt vấn đề cầm xe với bạn là Phan Cao Th, anh Th đồng ý cho D vay 6.000.000đ. Sau đó D, Th và V đến nhà bà Ch, tại đây Th đưa D vay 6.000.000đ và điều khiển xe môtô BKS 14Y1-147.64 đi về; D trả cho bà Ch 5.000.000đ, còn 1.000.000đ D chi tiêu hết; chiều 01/8/2018 D tiếp tục vay anh Th 500.000đ. Đỗ Anh T đã nhiều lần gọi điện để lấy xe nhưng D tắt điện thoại không liên hệ được; chiều ngày 01/8/2018 anh T đến Công an phường Yết Kiêu, Tp H trình báo sự việc.

Bản kết luận định giá tài sản số 181/KLĐG ngày 07/9/2018 của Hội đồng định giá tài sản Tp H kết luận: xe máy nhãn hiệu Honda Airblade BKS 14Y1-147.64 có giá tại thời điểm bị xâm phạm là 26.600.000đ.

Cáo trạng số 298/CT-VKSHL ngày 27/11/2018 Viện kiểm sát nhân dân thành phố H truy tố bị cáo Nguyễn Thị Thùy D tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung vụ án đã nêu, việc bị truy tố và đưa ra xét xử là đúng người đúng tội, không oan, đã được thực hiện các quyền, nghĩa vụ, giải thích việc công bố bản án theo quy định của pháp luật và xin được hưởng mức án thấp nhất.

Bị hại Đỗ Anh T có lời khai thể hiện: khoảng 20 giờ ngày 31/07/2018 anh điều khiển xe môtô Honda nhãn hiệu Airblade màu vàng đen BKS 14Y1-147.64 đến cửa hàng Internet 24h của D để chơi điện tử; khoảng 22 giờ cùng ngày D hỏi mượn xe

một lúc sau sẽ trả, anh đồng ý. Khoảng 23 giờ không thấy quay lại, anh đã gọi điện cho D nhưng không liên lạc được nghĩ D đi chơi muộn nên anh về, đến ngày 01/8/2018 anh quay lại quán điện tử vẫn không thấy xe và D đâu, điện thoại nhiều lần không liên lạc được, anh đã đến Công an phường Y, Tp H trình báo. Tài sản anh đã nhận lại và không có yêu cầu về bồi thường dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Lê Thị Ch có lời khai thể hiện: khoảng 22 giờ ngày cuối tháng 7/2018 D, Q đến cầm chiếc xe máy Honda Airblade BKS 14Y - 147.64 vay tổng số 5.000.000đ, tối hôm sau D đã chuộc lại. Việc cầm xe không giấy tờ, bà đã bị xử phạt vi phạm hành chính. Anh Phan Cao Th có lời khai thể hiện: ngày 01/8/2018, sau khi V giới thiệu, anh đồng ý cầm cho D chiếc xe Honda Airblade màu đen vàng BKS 14Y1-147.64 với giá 6.500.000đ. Sau khi biết chiếc xe trên do D phạm tội mà có, anh đã giao nộp cho Công an. D đã trả lại cho anh 6.500.000đ nên anh không yêu cầu gì khác.

Người làm chứng Nguyễn Thường Q và Đinh Văn V có lời khai nhận giúp D cầm cố xe để vay tiền nhưng không biết đó là xe do phạm tội mà có. Người làm chứng Bùi Đức Minh L và Nguyễn Văn L1 xác nhận việc cùng với Đỗ Anh T đến cửa hàng Internet 24h chơi điện tử và chứng kiến việc Nguyễn Thị Thùy D hỏi mượn xe của Đỗ Anh T.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị căn cứ điểm b khoản 1 Điều 175; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt Nguyễn Thị Thùy D từ 15 đến 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Trách nhiệm dân sự đã xử lý, không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, bảo đảm các quyền, nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng, không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định có tội: Lời khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo về mục đích, hành vi chiếm đoạt chiếc xe môtô của anh T bằng thủ đoạn mượn tài sản sản mang đi cầm cố lấy tiền chi tiêu cá nhân, phù hợp với lời khai của bị hại về việc

giao xe cho bị cáo mượn và không liên lạc được; phù hợp lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Ch, anh Phan Cao Th về việc cầm cố xe và cho bị cáo vay tiền; phù hợp lời khai của người làm chứng anh Nguyễn Thường Q, Đinh Văn V, Bùi Đức Minh L và Nguyễn Văn L1; Phù hợp với Biên bản khám nghiệm hiện trường, Sơ đồ hiện trường, Bản ảnh hiện trường, Bản ảnh vật chứng vụ án và Bản kết luận định giá tài sản.

Như vậy, đủ cơ sở kết luận vào khoảng 22giờ ngày 31/7/2018 tại tổ 1, khu 3, phường Y, Tp H Nguyễn Thị Thùy D đã có hành vi mượn xe môtô Honda Airblade BKS 14Y1-147.64 trị giá 26.600.000đ của Đỗ Anh T rồi chiếm đoạt mang cầm cố cho anh Phan Cao Th vay 6.500.000đ chi tiêu cá nhân.

Hành vi của bị cáo đã phạm tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

"1.Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000đồng đến dưới 50.000.000đồng hoặc dưới 4.000.000đồng nhưng đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168,169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:...

b, Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng và đã sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản."

[3] Tính chất mức độ, hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự, an toàn xã hội; vì mong muốn có tiền chi tiêu đã dùng thủ đoạn gian dối, lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của bị hại mang đi cầm cố. Tuy nhiên, bị cáo có nhân thân tốt; không tiền án, tiền sự; có nơi cư trú rõ ràng, việc xử lý bị cáo chủ yếu nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ sửa chữa sai lầm, trở thành công dân có ích. Vì vậy không cần cách ly khỏi xã hội mà cho cải tạo tại địa phương cũng đủ để giáo dục và phòng ngừa đồng thời thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

[4] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hướng xử lý:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tự nguyện bồi thường đây là những tình tiết xem xét giảm nhẹ theo điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H đề nghị áp dụng điều luật và mức hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ pháp luật.

[5] Về phần bồi thường dân sự: Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã nhận tiền, tài sản và không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về vật chứng: Cơ quan điều tra, Công an thành phố H đã trả lại cho bị hại, Hội đồng xét xử không đề cập.

[7] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung với bị cáo.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 175; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự;

Tuyên bố: Nguyễn Thị Thùy D phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"**.**

Xử phạt: Nguyễn Thị Thùy D 18 (Mười tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 (Ba mươi sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Thùy D cho Uỷ ban nhân dân phường Tr, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách; gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Uỷ ban nhân dân phường Tr, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ Điều 331; Điều 333; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, báo quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- *VKS; CA; THADS Tp H;*
- *TAND, VKSND tỉnh Quảng Ninh;*
- *Bị cáo, bị hại;*
- *Lưu.*